| | |
|---|---|
| **TOÀ ÁN NHÂN DÂN**<br>**KHU VỰC 1 - QUẢNG NINH** | **CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**<br>**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** |

Bản án số: 24/2026/HNGĐ-ST
Ngày 18 - 3 - 2026
"*V/v: Tranh chấp ly hôn*"

**NHÂN DANH**
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 1 - QUẢNG NINH**

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có***:

*Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà*: Bà Đoàn Thị Thủy

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Ông Nguyễn Văn Kền

2. Ông Nguyễn Văn Huề.

***- Thư ký phiên toà***: Bà Vũ Thu Trang - Thư ký Toà án nhân dân khu vực 1 - tỉnh Quảng Ninh.

Ngày 18 tháng 3 năm 2026, tại phòng xét xử số B, Toà án nhân dân khu vực 1 - Quảng Ninh xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 148/2025/TLST-HNGĐ ngày 19 tháng 12 năm 2025 về việc *"Tranh chấp ly hôn"* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 41/2026/QĐXXST-HNGĐ ngày 02 tháng 3 năm 2026 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Ông Đỗ Khắc T, sinh năm 1955; nơi cư trú: tổ A, khu phố Q, phường B, tỉnh Quảng Ninh.

- *Bị đơn*: Bà Nguyễn Thị Đ; sinh năm 1958; nơi cư trú: tổ I, khu phố H, phường H, tỉnh Quảng Ninh.

Đều vắng mặt (có đơn xin xét xử vắng mặt).

## NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai và quá trình giải quyết, nguyên đơn ông Đỗ Khắc T trình bày:

Ông T và bà Nguyễn Thị Đ tự nguyện kết hôn với nhau từ năm 1983 có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Đ, huyện T, tỉnh Quảng Ninh (nay là Ủy ban nhân dân xã Đ, tỉnh Quảng Ninh). Sau khi kết hôn, thời gian đầu ông bà chung sống hạnh phúc nhưng sau đó phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do tính tình không hợp, bất đồng về quan điểm sống, không có tiếng nói chung trong gia đình. Ông bà đã nhiều lần trao đổi với nhau, cố gắng hòa giải nhưng mâu thuẫn vẫn ngày càng trầm trọng hơn, cuộc sống hôn nhân không thể hàn gắn. Từ năm 2012 ông và bà Đ đã không sống chung với nhau, mỗi người có cuộc sống sinh hoạt riêng, không ai quan tâm đến đời sống của ai, hôn nhân của ông bà chỉ tồn tại trên

giấy tờ theo quy định của pháp luật. Đến nay ông bà đều đã lớn tuổi, hoàn cảnh sống và điều kiện sức khỏe đã có nhiều thay đổi, việc duy trì quan hệ hôn nhân trên danh nghĩa không còn ý nghĩa gì đối với mỗi người. Bản thân ông T cảm thấy thực sự không còn tình cảm và cũng không thể duy trì cuộc sống vợ chồng với bà Đ được nữa, vì vậy ông làm đơn đề nghị Tòa ángiải quyết cho ông được ly hôn với bà Đ.

Tại bản tự khai nộp cho tòa án bà Đ trình bày: Về điều kiện kết hôn cũng như mâu thuẫn vợ chồng như ông T trình bày. Ông bà đã sống ly thân từ năm 2012 đến nay, vợ chồng không còn sống chung với nhau mỗi người có cuộc sống riêng, không ai quan tâm đến đời sống của ai. Đến nay ông có đơn xin ly hôn với bà, bà đồng ý ly hôn với ông T.

- Về con chung: Ông T và bà Đ đều trình bày: quá trình chung sống ông bà có 02 con chung là Đỗ Hải T1, sinh năm 1985, và Đỗ Thị Hải H, sinh năm 1990, các con chung của ông bà đều đã thành niên và phát triển bình thường nên không yêu cầu tòa án giải quyết.

- Về tài sản chung và nợ chung: Ông T và bà Đ đều không yêu cầu tòa án giải quyết.

Tại phiên hòa giải, bà Đ vắng mặt, ông T có đơn đề nghị không tiến hành hòa giải. Vì vậy Tòa án đã lập biên bản về việc không tiến hành hòa giải và Quyết định đưa vụ án ra xét xử theo quy định.

Tại phiên tòa, nguyên đơn ông Đỗ Khắc T và bà Nguyễn Thị Đ vắng mặt nhưng đều có đơn xin xét xử vắng mặt trình bày: Ông - bà đã nhận được quyết định đưa vụ án ra xét xử của Tòa án nhân dân Khu vực 1 - Quảng Ninh, tuy nhiên do công việc ông bà đều không đến tham dự phiên tòa được, ông T đề nghị Tòa án giải quyết cho ông được ly hôn với bà Đ, bà Đ đồng ý ly hôn với ông T đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

## NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

[1] Về thủ tục tố tụng: Nguyên đơn ông Đỗ Khắc T khởi kiện yêu cầu xin ly hôn với bà Nguyễn Thị Đ có nơi cư trú tại phường H, tỉnh Quảng Ninh nên căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự và khoản 2 Điều 1 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Bộ luật Tố tụng dân sự, luật Tố tụng Hành chính, luật tư pháp người chưa thành niên, sản và luật Hòa giải, đối thoại tại Tòa án số 85/2025/QH15 của Quốc hội, thẩm quyền giải quyết vụ án thuộc Tòa án nhân dân khu vực 1 - Quảng Ninh.

Về sự vắng mặt của các đương sự: Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt nhưng đều có đơn xin xét xử vắng mặt nên Hội đồng xét xử căn cứ Điều 228; 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự tiến hành xét xử vắng mặt tất cả những người tham gia tố tụng.

[2] Về nội dung tranh chấp:

2.1 Về quan hệ hôn nhân: ông T và bà Đ kết hôn với nhau năm 1983 có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Đ, huyện T, tỉnh Quảng Ninh (nay là Ủy ban nhân dân xã Đ, tỉnh Quảng Ninh) là hôn nhân hợp pháp được pháp luật bảo vệ.

Xét yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của nguyên đơn thấy: Quá trình giải quyết vụ án, ông T và bà Đ đều có lời khai xác nhận ông bà đã ly thân không sống chung

với nhau từ năm 2012, mỗi người có cuộc sống sinh hoạt riêng, không ai quan tâm đến đời sống của ai. Ông T đề nghị ly hôn, bà Đ cũng đồng ý, tại phiên tòa mặc dù vắng mặt nhưng hai ông bà đều có đơn xin xét xử vắng mặt giữ nguyên quan điểm như đã trình bày cho thấy tình trạng hôn nhân của ông T - bà Đ đã đến mức trầm trọng, không thể khắc phục được, đời sống chung thực tế đã không còn, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Đỗ Khắc T, cho ông T được ly hôn với bà Nguyễn Thị Đ là phù hợp với theo quy định tại khoản 1 Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình.

2.2 Về con chung: Ông Đỗ Khắc T và bà Nguyễn Thị Đ có 02 con chung là Đỗ Hải T1, sinh năm 1985, và Đỗ Thị Hải H, sinh năm 1990, các con chung của ông bà đều đã thành niên và phát triển bình thường, không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

2.3 Về tài sản chung, nợ chung: Ông Đỗ Khắc T và bà Nguyễn Thị Đ đều không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên không xét.

[3] Về án phí: Theo quy định tại Khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự thì nguyên đơn phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm. Tuy nhiên ông Đỗ Khắc T, sinh năm 1955, là người cao tuổi theo quy định của Luật người cao tuổi, có đơn xin được miễn tạm ứng án phí và án phí, thuộc trường hợp miễn nộp tiền tạm ứng án phí, án phí theo quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án Hội đồng xét xử miễn án phí đối với ông T theo quy định.

[4] Về quyền kháng cáo: các đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

*Vì các lẽ trên,*

## QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; Điều 227, Điều 228; Điều 238; Điều 271; khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 2 Điều 1 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Bộ luật Tố tụng dân sự, luật Tố tụng Hành chính, luật tư pháp người chưa thành niên, Luật phá sản và luật Hòa giải, đối thoại tại Tòa án số 85/2025/QH15 của Quốc hội.

Căn cứ vào khoản 1 Điều 51; khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình.

Căn cứ điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của ông Đỗ Khắc T.

1. Về quan hệ hôn nhân: cho ông Đỗ Khắc T được ly hôn với bà Nguyễn Thị Đ.

án phí: Miễn án phí ly hôn sơ thẩm cho ông Đỗ Khắc T.

3. Về quyền kháng cáo: ông Đỗ Khắc T và bà Nguyễn Thị Đ vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc từ ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

***Nơi nhận:***
- Đương sự;
- VKSND khu vực 1 - Quảng Ninh;
- THADS tỉnh Quảng Ninh;
- TAND tỉnh Quảng Ninh;
- UBND xã Đông Ngũ, T. Quảng Ninh;
- Lưu hồ sơ vụ án, văn thư.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**
**THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Đoàn Thị Thủy**